



**DOI: [https://doi.org/ 10.52714/dthu.14.07S.2025.1708](https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1708)**

## **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Trần Đại Nghĩa<sup>1</sup> và Đới Thị Kim Liên<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,  
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ, Email: [doikimlien@gmail.com](mailto:doikimlien@gmail.com)*

### **Lịch sử bài báo**

*Ngày nhận: 28/11/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 09/12/2025; Ngày duyệt đăng: 15/12/2025*

### **Tóm tắt**

*Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát được tiến hành với 166 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (gồm 22 cán bộ quản lý, 130 giáo viên và 14 nhân viên) cùng 68 phụ huynh ở các trường mầm non, sử dụng thang đo Likert 5 mức để phân tích mức độ nhận thức và thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại khoảng cách đáng kể giữa nhận thức và hành động: dù đội ngũ giáo viên và quản lý đều đánh giá cao vai trò chăm sóc - nuôi dưỡng, mức độ chủ động, huy động nguồn lực và niềm tin vào hiệu quả thực hiện còn hạn chế. Việc triển khai các nội dung chăm sóc sức khỏe chỉ đạt mức trung bình; phối hợp nhà trường - gia đình - cộng đồng chưa hiệu quả như mong đợi. Từ góc nhìn của phụ huynh, phần lớn có thái độ trung lập, chưa hoàn toàn tin tưởng vào chất lượng bữa ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác phòng bệnh tại trường. Thực tiễn tại Bình Chánh cho thấy nhiều hạn chế như cơ sở vật chất thiếu và xuống cấp, đội ngũ y tế học đường chưa đủ, kinh phí hạn hẹp và công tác kiểm tra - đánh giá còn hình thức. Những vấn đề này cho thấy tính cấp thiết của việc tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao năng lực đội ngũ và đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường- phụ huynh - cộng đồng, nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non trên địa bàn huyện Bình Chánh. Kết quả nghiên cứu khẳng định nhu cầu tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ chế quản lý, bồi dưỡng đội ngũ và mở rộng sự phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng, nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ sức khỏe trẻ mầm non.*

**Từ khóa:** *Chăm sóc, hoạt động, mầm non, nuôi dưỡng, quản lý.*

Trích dẫn: Trần, Đ. N., & Đới, T. K. L. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 141-151. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1708>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **THE CURRENT SITUATION OF MANAGING NUTRITION AND HEALTH CARE ACTIVITIES FOR PRESCHOOL CHILDREN IN BINH CHANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY**

**Tran Dai Nghia<sup>1</sup> and Doi Thi Kim Lien<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Political Education and Educational Management,  
School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: doikimlien@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 28/11/2025; Received in revised form: 09/12/2025; Accepted: 15/12/2025*

### **Abstract**

*This study aimed to evaluate the current state of managing nutrition and health care activities for preschool children in Binh Chanh District, Ho Chi Minh City. The survey involved 166 administrators, teachers, and staff members (including 22 administrators, 130 teachers, and 14 staff) as well as 68 parents from both public and private preschools. A five-point Likert scale was used to analyze perceptions and implementation levels. The research results show that there is a significant gap between awareness and action: although teachers and administrators highly appreciate the role of care and nurturing, the level of initiative, resource mobilization and belief in implementation effectiveness is limited. The implementation of health care content is only at an average level; school - family - community coordination is not as effective as expected. From parents' perspectives, the majority expressed a neutral attitude, somehow showing incomplete trust in the quality of meals, food hygiene, and disease prevention efforts at schools. Additionally, several supporting conditions, including facilities, kitchen and sanitation areas, school health staff, and catering personnel, were insufficient while funding sources were constrained. The evaluation process remained largely formalistic, lacking scientific tools and criteria. The study highlights the urgent need to enhance investment, improve management mechanisms, strengthen staff capacity, and promote collaboration among schools, parents, and communities to improve the overall quality of nutrition, care, and health protection for preschool children.*

**Keywords:** *Activities, care, management, nurturing, preschool children.*

## **1. Giới thiệu**

Trong những năm gần đây, công tác quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trong các trường mầm non ngày càng được quan tâm như một yếu tố then chốt bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), việc quản lý hiệu quả trong lĩnh vực này không chỉ góp phần bảo vệ sức khỏe thể chất của trẻ, mà còn đặt nền tảng cho sự phát triển nhận thức và cảm xúc trong những năm đầu đời. Đặc biệt, tại các khu vực ven đô đang phát triển nhanh như huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh rằng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ cần được thực hiện theo hướng tích hợp, bao gồm các bước lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và đánh giá để đáp ứng các chuẩn mực quốc gia về y tế và giáo dục (Hoàng, 2017; Nguyễn, 2022). Tuy nhiên, sự chênh lệch về phân bổ nguồn lực, năng lực đội ngũ và mức độ tham gia của phụ huynh vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng đến chất lượng tổng thể của hoạt động chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng trong các cơ sở mầm non.

Do đó, việc đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh là cấp thiết, nhằm xác định những hạn chế hiện có và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp với bối cảnh kinh tế – xã hội địa phương. Nghiên cứu này góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho công tác quản lý giáo dục mầm non trong các khu vực đô thị hóa của Việt Nam.

## **2. Tổng quan lý thuyết nghiên cứu**

Theo Phan (2023), hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ luôn được các cơ sở giáo dục mầm non đặc biệt quan tâm, bởi đây là yếu tố quan trọng hỗ trợ sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ. Trên cơ sở phân tích lý luận và kết quả khảo sát thực tiễn, tác giả đã đề xuất hệ thống các biện pháp quản lý nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại và phát huy những thành tựu đã đạt được trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng. Các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống đồng bộ; đồng thời được cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) đánh giá là cần thiết và khả thi thông qua khảo sát và phỏng vấn. Kết quả đó cho thấy hiệu quả quản lý hoạt động chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ sẽ được phát huy tối đa khi có sự thống nhất về nhận thức và hành động giữa lãnh đạo các cấp, đội ngũ quản lý và GV tại các trường mầm non.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn (2021) cho thấy: Dựa trên nội dung cốt lõi của Chuẩn nghề nghiệp GV mầm non và mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp với kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ GV, tác giả đã vận dụng phương pháp tiếp cận nghiên cứu chính sách để xây dựng quy trình thiết kế và tổ chức nghiên cứu một cách khoa học và đáng tin cậy. Công cụ nghiên cứu được xây dựng và thử nghiệm nhằm đánh giá độ tin cậy của thang đo, làm cơ sở cho việc thu thập, phân tích và xử lý thông tin về nhận thức của GV mầm non đối với chuẩn nghề nghiệp nói chung và các tiêu chí liên quan đến nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu và đánh giá ảnh hưởng của các tiêu chí trong chuẩn nghề nghiệp đến kỹ năng nghiệp vụ của GV mầm non, công trình đã đề xuất các biện pháp quản lý và bồi dưỡng phù hợp, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp của GV và cải thiện chất lượng giáo dục trong các cơ sở mầm non.

Theo Nguyễn, (2021b), việc quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 3–4 tuổi cần được thực hiện có mục tiêu, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Việc quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 3-4 tuổi được hiểu là những tác động có mục đích và có kế hoạch của hiệu trưởng trường mầm non nhằm tổ chức, điều hành, giám sát và hỗ trợ đội ngũ GV, nhân viên trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc và nuôi dưỡng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ ở độ tuổi này. Hoạt động quản lý hiệu

quả không chỉ giúp trẻ phát triển tốt về thể lực và sức khỏe, mà còn đảm bảo an toàn, tạo niềm tin cho phụ huynh và xã hội đối với nhà trường. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, để quản lý tốt hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, người quản lý cần am hiểu đặc điểm phát triển của trẻ 3-4 tuổi, nắm vững nội dung và yêu cầu của công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, đồng thời nhận diện rõ những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động này trong bối cảnh đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới giáo dục mầm non nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn và Đặng (2024) cho thấy: Công tác quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non thị xã Quê Võ đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, song vẫn còn một số hạn chế nhất định, đặc biệt trong việc đảm bảo chất lượng và tính đồng bộ của các hoạt động chăm sóc – nuôi dưỡng. Nhóm tác giả khẳng định rằng hiệu trưởng các trường mầm non cần xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể, tập trung vào những nội dung còn hạn chế để nâng cao hiệu quả quản lý, ổn định đội ngũ GV, cải thiện chất lượng chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ, đồng thời đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ 5-6 tuổi.

Bên cạnh đó, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chỉ đạo đồng bộ và linh hoạt từ phía hiệu trưởng, nhằm đảm bảo các giải pháp được thực hiện một cách toàn diện, hài hòa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và phù hợp với điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội của từng địa phương.

Theo Mondon & cs. (2024), tình trạng suy dinh dưỡng vẫn đang ảnh hưởng đến một phần tư trẻ em Việt Nam dưới 5 tuổi, mặc dù đã có sự giảm đáng kể trong thập kỷ qua. Thiếu vi chất dinh dưỡng (MNDs) vẫn là một vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt là thiếu sắt, kẽm và vitamin D, trong khi đó, tình trạng thừa cân và béo phì ở trẻ em độ tuổi đi học lại tăng nhanh chóng, cho thấy gánh nặng kép và thậm chí là gánh nặng dinh dưỡng ba chiều (thiếu dinh dưỡng, thiếu vi chất, thừa cân) đang tồn tại song song tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của Trần (2025) đã kết luận rằng: Mặc dù các trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục, một số lĩnh vực vẫn cần được cải thiện thêm. Đáng chú ý là cần tăng cường sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong quá trình xây dựng và triển khai các chiến lược phát triển của nhà trường. Bên cạnh đó, tính minh bạch trong việc truyền thông các kế hoạch phát triển cũng cần được nâng cao nhằm tăng cường niềm tin và sự gắn kết giữa nhà trường với các bên liên quan. Ngoài ra, cần củng cố cơ chế giám sát và đánh giá để bảo đảm chương trình giáo dục mầm non được thực hiện một cách nhất quán và hiệu quả. Hơn nữa, các cơ sở giáo dục mầm non cần chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng GV, nhằm đảm bảo sự thống nhất và chất lượng giáo dục cao đồng đều giữa các trường.

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây của Phan (2023), Nguyễn (2021, 2021b), Nguyễn và Đặng (2024), Mondon & cs. (2024) và Trần (2025), nghiên cứu tập trung làm rõ quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trong bối cảnh mới, khi yêu cầu về chất lượng chăm sóc - nuôi dưỡng ngày càng cao và gánh nặng dinh dưỡng trẻ em đang trở nên phức tạp hơn tại Việt Nam. Nghiên cứu không chỉ xem xét công tác quản lý ở góc độ thực hiện nhiệm vụ, mà còn phân tích sâu sự tác động qua lại giữa các yếu tố: năng lực đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất, nhu cầu dinh dưỡng mới của trẻ, sự tham gia của phụ huynh và cơ chế phối hợp cộng đồng. Bên cạnh đó, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của quản lý dựa trên bằng chứng - một khía cạnh chưa được phân tích đầy đủ trong các công trình trước - thông qua việc ứng dụng dữ liệu dinh dưỡng, sức khỏe và mức độ hài lòng của phụ huynh để điều chỉnh kế hoạch chăm sóc - nuôi dưỡng. Nghiên cứu cũng đề xuất mô hình quản lý đồng bộ theo hướng liên kết trách nhiệm giữa hiệu trưởng - GV - nhân viên nuôi dưỡng - phụ huynh, nhằm nâng cao tính khả thi và hiệu quả của hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non trong điều kiện đổi mới giáo dục và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay. Những điểm mới này giúp

nghiên cứu không chỉ bổ sung bằng chứng khoa học cho lĩnh vực quản lý giáo dục mầm non, mà còn cung cấp các gợi ý thực tiễn có giá trị cho các cơ sở mầm non trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính cấp thiết của việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, hướng đến một hệ thống giáo dục mầm non đồng bộ, nhân văn và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

- Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã khảo sát 166 CBQL, GV và nhân viên (gồm 22 CBQL, 130 GV mầm non và 14 nhân viên) và 68 cha mẹ học sinh (CMHS) tại các trường mầm non công lập và tư thục trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh dựa theo thang đo Likert 5 mức độ.

- Phỏng vấn sâu 10 CBQL, GV và 05 CMHS: Kết quả phỏng vấn được mã hóa để thuận lợi trong phân tích, bình luận, đánh giá thực trạng. Cụ thể CBQL được mã hóa: CBQL1, CBQL2, CBQL3, CBQL4, CBQL5; 05 GV được mã hóa: GV1, GV2, GV3, GV4, GV5; CMHS1 đến CMHS5.

- Để đo lường kết quả khảo sát, chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 đến 5. Khoảng cách giữa các mức được tính theo công thức  $[(\max - \min) : 5] = [(5-1) : 5] = 4:5 = 0,8$ . Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ của từng Item tổ dựa vào giá trị điểm trung bình (ĐTB) như sau: Mức 5:  $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$ ; (Rất khả thi); Mức 4:  $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,21$ ; (Khả thi); Mức 3:  $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$ ; (Phân vân/Trung bình); Mức 2:  $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,60$ ; (Không khả thi); Mức 1:  $1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,80$ . (Rất không khả thi)

Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua phần mềm Excel để tính ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và hệ số tương quan các số liệu thu được, tùy từng câu hỏi mà chúng tôi có thể tính tỉ lệ phần trăm (%) theo 5 mức được thiết kế trong phiếu điều tra.

### 4. Kết quả và thảo luận

#### 4.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

| TT | Nội dung                                                                                                                                                                  | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                                                                                           | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 1  | Vai trò của hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non                                                                     | 2,85           | 0,63 | 3  |
| 2  | Công tác quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ được thực hiện tốt sẽ góp phần bảo đảm nhà trường thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non | 2,92           | 0,64 | 2  |
| 3  | Thực hiện tốt công tác quản lý nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ sẽ hỗ trợ trẻ rèn luyện kỹ năng tự phục vụ trong các thời điểm ăn, ngủ và vệ sinh                               | 2,96           | 0,65 | 1  |
| 4  | Công tác quản lý nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh của nhà trường                                                | 2,80           | 0,62 | 4  |

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của các nhóm đối tượng (CBQL, GV và CMHS) về vai trò của hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non nhìn chung ở mức trung bình, thể hiện qua ĐTB chung dao động từ 2,80 đến 2,96. Điều này phản ánh thực tế rằng, mặc dù hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc có ý nghĩa thiết yếu đối với sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, mối quan tâm và nhận thức của các lực lượng tham gia giáo dục vẫn chưa thật sự sâu sắc và nhất quán. Nội dung được đánh giá cao nhất là vai trò của quản lý tốt công tác nuôi dưỡng – chăm sóc trong việc rèn luyện kỹ năng tự phục vụ cho trẻ (ĐTB = 2,96). Nhận thức về sự gắn kết giữa quản lý nuôi dưỡng - chăm sóc và việc thực hiện mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non đứng thứ hai (ĐTB = 2,92), cho thấy các lực lượng giáo dục hiểu rõ vai trò của hoạt động này nhưng mức độ nhận thức vẫn chưa thật sự cao. Nội dung liên quan đến vai trò của nuôi dưỡng - chăm sóc đối với sự phát triển toàn diện của trẻ được đánh giá ở mức trung bình (ĐTB = 2,85), phản ánh sự hiểu biết chưa đầy đủ về tầm quan trọng của dinh dưỡng và sức khỏe trong bối cảnh nhiều trường còn quá tải và điều kiện chăm sóc chưa đồng đều. Nhận thức về sự đóng góp của công tác nuôi dưỡng - chăm sóc đối với uy tín nhà trường có điểm thấp nhất (ĐTB = 2,80), cho thấy phụ huynh và nhân viên vẫn chưa nhìn nhận đầy đủ vai trò của lĩnh vực này trong việc tạo dựng hình ảnh và niềm tin đối với nhà trường.

Nhìn chung, các kết quả trên phản ánh nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh chưa cao và chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng. Đây là một trong những nguyên nhân có thể dẫn đến hạn chế trong việc phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng cũng như sự thiếu chủ động trong triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ.

#### **4.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng lập kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

| TT | Nội dung                                                                                                                                             | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                                                                      | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 1  | Dựa trên các văn bản hướng dẫn của ngành và tình hình thực tế về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại đơn vị                                        | 2,65           | 0,64 | 2  |
| 2  | Xác lập rõ mục tiêu và thiết lập các chỉ tiêu cụ thể nhằm định hướng và đánh giá hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong nhà trường        | 2,59           | 0,63 | 4  |
| 3  | Thiết kế nội dung chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non, các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn của nhà trường | 2,67           | 0,64 | 1  |
| 4  | Xác lập các giải pháp và phương thức triển khai nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu và nội dung kế hoạch                                                | 2,55           | 0,64 | 5  |
| 5  | Lập kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ theo từng năm, từng tháng và từng tuần để bảo đảm triển khai công việc một cách hệ thống và liên tục.        | 2,60           | 0,64 | 3  |
| 6  | Phổ biến kế hoạch đến toàn thể cán bộ, GV và nhân viên để thảo luận và tiếp nhận ý kiến góp ý, hoàn thiện nội dung trước khi thực hiện               | 2,50           | 0,62 | 6  |

| TT | Nội dung                                                                                | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                         | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 7  | Điều chỉnh, hoàn chỉnh và trình phê duyệt kế hoạch sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp | 2,46           | 0,64 | 7  |

Qua xem xét hồ sơ quản lý của các trường cho thấy hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ đều đã được đưa vào kế hoạch năm học. Để có những thông tin cụ thể và đánh giá mức độ thực hiện về nội dung này, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của 22 CBQL và 130 GV, và 7 nhân viên của các trường công lập và tư thục trên địa bàn huyện Bình Chánh. Sau khi có kết quả đánh giá tác giả tổng hợp đánh giá như sau:

Bảng 2 khảo sát về công tác lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh cho thấy mức độ thực hiện của các nội dung nhìn chung đạt mức trung bình, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Nội dung được đánh giá cao nhất là việc thiết kế nội dung chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non và điều kiện thực tiễn của nhà trường (ĐTB = 2,67; ĐLC = 0,64; xếp hạng 1). Điều này phản ánh khả năng của các cơ sở giáo dục trong việc vận dụng chương trình, văn bản quy định vào thực tế chăm sóc trẻ. Bên cạnh đó, hoạt động dựa trên các văn bản hướng dẫn và tình hình thực tế của đơn vị để xây dựng kế hoạch cũng đạt mức khá (ĐTB = 2,65), thể hiện sự tuân thủ tương đối tốt các yêu cầu của ngành. Hoạt động lập kế hoạch theo năm, tháng, tuần (ĐTB = 2,60; xếp hạng 3) và xác lập rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (ĐTB = 2,59; xếp hạng 4) được đánh giá ở mức trung bình, cho thấy công tác hoạch định nhìn chung được chú trọng nhưng vẫn chưa thật sự đồng bộ và sâu sát. Đáng chú ý, nội dung xác lập các giải pháp và phương thức triển khai thực hiện kế hoạch chỉ đạt ĐTB = 2,55, xếp thứ 5; điều này phản ánh hạn chế trong việc cụ thể hóa các giải pháp khả thi, dẫn đến kế hoạch nuôi dưỡng - chăm sóc chưa thực sự hiệu quả khi đi vào thực tiễn. Hai nội dung có điểm thấp nhất là phổ biến kế hoạch để thảo luận, tiếp nhận ý kiến góp ý (ĐTB = 2,50) và điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch sau góp ý (ĐTB = 2,46). Đây là nhóm chỉ số thể hiện sự phối hợp nội bộ giữa CBQL - GV - nhân viên còn hạn chế. Việc tham gia phản biện, trao đổi và hoàn thiện kế hoạch chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến chất lượng kế hoạch chưa phát huy hết tính dân chủ và tính thực tiễn.

Tổng thể, kết quả khảo sát cho thấy các trường mầm non huyện Bình Chánh đã có nền tảng tốt trong việc tuân thủ văn bản và thiết kế nội dung nuôi dưỡng – chăm sóc, nhưng còn hạn chế ở khâu huy động sự tham gia của tập thể và cụ thể hóa giải pháp triển khai. Điều này cho thấy cần tăng cường tính phối hợp, tính công khai và tính chuyên sâu trong lập kế hoạch để nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong giai đoạn tiếp theo.

#### **4.3. Thực trạng tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Bảng 3. Kết quả đánh giá thực trạng tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

| TT | Nội dung                                                                                                                                                                | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                                                                                         | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 1  | Triển khai toàn bộ nội dung kế hoạch chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ đến từng bộ phận và cá nhân trong nhà trường nhằm bảo đảm mọi thành viên nắm rõ và thực hiện thống nhất | 2,87           | 0,64 | 5  |
| 2  | Xác định rõ trách nhiệm của mỗi bộ phận và cá nhân trong quá trình triển khai                                                                                           | 2,94           | 0,64 | 3  |

|   |                                                                                                                                                                 |      |      |   |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---|
| 3 | Tăng cường sự phối hợp và liên kết giữa các bộ phận và cá nhân trong nhà trường nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ | 2,96 | 0,65 | 2 |
| 4 | Triển khai công tác thông tin và truyền thông liên quan đến hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ đến toàn thể đội ngũ trong nhà trường                            | 2,98 | 0,65 | 1 |
| 5 | Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho toàn trường về công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ                                                                      | 2,85 | 0,64 | 6 |
| 6 | Tổ chức các buổi học với nhân viên Y tế của Huyện về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.                                                                         | 2,90 | 0,65 | 4 |
| 7 | Tổ chức cho GV và nhân viên các buổi học tập và trao đổi kinh nghiệm với các trường trong huyện.                                                                | 2,80 | 0,56 | 7 |

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh đã được triển khai tương đối đầy đủ, song mức độ thực hiện giữa các nội dung vẫn còn chênh lệch.

Nội dung đạt ĐTB cao nhất là công tác thông tin và truyền thông về nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (ĐTB = 2,98), phản ánh sự quan tâm của các trường trong việc phổ biến kịp thời các quy định và hướng dẫn chuyên môn. Tiếp theo là sự phối hợp giữa các bộ phận và cá nhân (ĐTB = 2,96), cho thấy mối liên kết trong tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ được duy trì ở mức trung bình. Nội dung phân định trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân cũng đạt mức thực hiện cao (ĐTB = 2,94), góp phần bảo đảm công việc không chồng chéo và nâng cao tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động học tập chuyên môn với nhân viên y tế huyện đạt mức tương đối tốt (ĐTB = 2,90), thể hiện sự chú trọng cập nhật kiến thức về chăm sóc và an toàn sức khỏe trẻ. Trong khi đó, triển khai kế hoạch đến các bộ phận (ĐTB = 2,87) và tập huấn, bồi dưỡng cho toàn trường (ĐTB = 2,85) được thực hiện nhưng chưa thật sự đồng bộ và thường xuyên. Nội dung có điểm thấp nhất là tham quan, trao đổi kinh nghiệm giữa các trường (ĐTB = 2,80), cho thấy hoạt động này còn hạn chế do điều kiện thời gian, kinh phí hoặc việc phối hợp giữa các đơn vị.

Nhìn chung, các trường mầm non huyện Bình Chánh đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến truyền thông, phối hợp nội bộ và phân định trách nhiệm. Tuy vậy, một số mặt còn hạn chế, nhất là hoạt động tham quan học tập và công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đầu tư, tăng cường nguồn lực và đổi mới phương thức triển khai để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong thời gian tới.

#### **4.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Bảng 4. Kết quả thực trạng chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

| TT | Nội dung                                                                                                  | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                           | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 1  | Xác lập phương hướng chung cho công tác nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ trong toàn trường                      | 2,89           | 0,64 | 1  |
| 2  | Tổ chức hướng dẫn và bồi dưỡng kiến thức về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ cho đội ngũ GV và nhân viên | 2,87           | 0,64 | 3  |

| TT | Nội dung                                                                                                     | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                              | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 3  | Hướng dẫn GV tăng cường phối hợp với phụ huynh trong việc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ | 2,88           | 0,65 | 2  |
| 4  | Chỉ đạo việc thực hiện kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ                       | 2,80           | 0,64 | 4  |
| 5  | Chỉ đạo về nâng cấp cơ sở vật chất để phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ                              | 2,77           | 0,65 | 5  |

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh được thực hiện tương đối đồng bộ nhưng vẫn tồn tại những nội dung cần tiếp tục tăng cường. Nội dung đạt ĐTB cao nhất là xác lập phương hướng chung cho toàn trường (ĐTB = 2,89; xếp hạng 1), phản ánh sự quan tâm của Ban giám hiệu trong việc định hướng tổng thể cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Tiếp theo là chỉ đạo GV phối hợp với phụ huynh (ĐTB = 2,88; xếp hạng 2), cho thấy mối liên kết giữa nhà trường và gia đình được chú trọng nhằm đảm bảo thống nhất trong chăm sóc trẻ.

Hoạt động tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho GV và nhân viên đạt mức trung bình (ĐTB = 2,87; xếp hạng 3), chứng tỏ đội ngũ thường xuyên được cập nhật chuyên môn, nhưng vẫn cần tăng cường hơn về chiều sâu và tính thực tiễn. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả nuôi dưỡng – chăm sóc có điểm thấp hơn (ĐTB = 2,80; xếp hạng 4), cho thấy công tác giám sát chưa thật sự chặt chẽ và thường xuyên. Thấp nhất là chỉ đạo nâng cấp cơ sở vật chất (ĐTB = 2,77; xếp hạng 5), phản ánh khó khăn về nguồn lực đầu tư, điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu ngày càng cao của công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ.

Nhìn chung, hoạt động chỉ đạo tại các trường mầm non huyện Bình Chánh đã có định hướng rõ ràng và chú trọng phối hợp giữa các lực lượng giáo dục. Tuy nhiên, cần tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao hiệu quả bồi dưỡng đội ngũ và ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc – nuôi dưỡng trẻ trong thời gian tới.

#### **4.5. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh**

| TT | Nội dung                                                                                                                                  | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                                                                                           | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 1  | Thiết lập hệ thống tiêu chuẩn và bộ tiêu chí đánh giá nhằm kiểm tra mức độ thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ                    | 2,79           | 0,64 | 1  |
| 2  | Xác định rõ các nội dung cần kiểm tra và lựa chọn hình thức kiểm tra phù hợp để đánh giá việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ | 2,70           | 0,62 | 3  |
| 3  | Thành lập đội ngũ kiểm tra có chuyên môn vững và kinh nghiệm thực tiễn trong đánh giá hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ                  | 2,59           | 0,63 | 5  |
| 4  | Thực hiện việc kiểm tra và đánh giá hiệu quả triển khai các hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ                                           | 2,76           | 0,62 | 2  |

| TT | Nội dung                                                              | CBQL, GV, CMHS |      |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------|----------------|------|----|
|    |                                                                       | ĐTB            | ĐLC  | XH |
| 5  | Đánh giá và điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ tại trường | 2,64           | 0,62 | 4  |

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác kiểm tra và đánh giá hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh được thực hiện ở mức trung bình, với ĐTB dao động từ 2,59 đến 2,79. Nội dung được đánh giá cao nhất là thiết lập hệ thống tiêu chuẩn và bộ tiêu chí đánh giá (ĐTB = 2,79), phản ánh các trường đã quan tâm đến việc xây dựng các chuẩn mực và tiêu chí cụ thể nhằm định hướng kiểm tra, tạo cơ sở đánh giá khách quan và thống nhất.

Thực hiện kiểm tra và đánh giá hiệu quả triển khai các hoạt động đạt mức điểm tương đối cao (ĐTB = 2,76), cho thấy phần lớn các trường đã tổ chức đánh giá mức độ thực hiện công tác nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ, tuy nhiên việc áp dụng các tiêu chí và hình thức kiểm tra chưa đồng bộ. Nội dung xác định rõ nội dung cần kiểm tra và lựa chọn hình thức kiểm tra phù hợp đạt ĐTB = 2,70, cho thấy nhận thức về việc lựa chọn phương pháp kiểm tra còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Điểm số thấp hơn được ghi nhận ở đội ngũ kiểm tra có chuyên môn vững và kinh nghiệm thực tiễn (ĐTB = 2,59), phản ánh một số trường chưa có đội ngũ chuyên trách đủ năng lực để tiến hành kiểm tra, đánh giá một cách hiệu quả. Đánh giá và điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ tại trường (ĐTB = 2,64) cũng chỉ ở mức trung bình, cho thấy việc rút kinh nghiệm và điều chỉnh sau kiểm tra chưa thực hiện thường xuyên và toàn diện.

Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc trẻ tại các trường mầm non huyện Bình Chánh còn mang tính hình thức, chưa đồng bộ và chưa tận dụng tối đa năng lực đội ngũ kiểm tra chuyên môn, đồng thời chưa thực sự phát huy vai trò trong việc điều chỉnh, nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ. Đây là một vấn đề cần được quan tâm để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non trên địa bàn.

## 5. Kết luận

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ tại các trường mầm non ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy nhận thức của CBQL, GV, nhân viên và phụ huynh về vai trò của hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc trẻ nhìn chung ở mức trung bình, với điểm cao nhất liên quan đến việc quản lý tốt hồ sơ hình thành kỹ năng tự phục vụ cho trẻ, trong khi nhận thức về đóng góp của công tác này đối với uy tín nhà trường còn hạn chế. Công tác lập kế hoạch được thực hiện tương đối đầy đủ, bao gồm việc dựa trên văn bản hướng dẫn, thiết kế nội dung phù hợp với chương trình giáo dục và điều kiện thực tế, nhưng còn hạn chế trong việc xác lập giải pháp cụ thể, huy động sự tham gia của tập thể và hoàn thiện kế hoạch sau góp ý. Hoạt động tổ chức triển khai cơ bản đầy đủ, tập trung vào truyền thông, phối hợp nội bộ và phân định trách nhiệm, song bồi dưỡng, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm giữa các trường chưa đều và chưa thường xuyên. Công tác chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, với định hướng rõ ràng và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, nhưng kiểm tra, đánh giá còn mang tính hình thức, đội ngũ chuyên môn chưa phát huy tối đa, và việc rút kinh nghiệm, điều chỉnh sau kiểm tra chưa thường xuyên.

Trên cơ sở này, cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nuôi dưỡng - chăm sóc trẻ, cải thiện lập kế hoạch với chỉ tiêu và giải pháp cụ thể, tăng cường phân công, phối hợp và bồi dưỡng đội ngũ, củng cố kiểm tra - đánh giá hiệu quả, đồng thời đầu tư cơ sở vật chất và

nguồn lực để nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng- chăm sóc trẻ một cách đồng bộ, liên tục và bền vững.

### **Tài liệu tham khảo**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Điều lệ trường mầm non* (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021).
- Mondon, C., Tan, P. Y., Chan, C. L., Tran, T. N., & Gong, Y. Y. (2024). Prevalence, determinants, intervention strategies and current gaps in addressing childhood malnutrition in Vietnam: A systematic review. *BMC Public Health*, 24(1), 960. <https://doi.org/10.1186/s12889-024-18419-8>.
- Nguyễn, T. H. (2021a). Xây dựng công cụ nghiên cứu ảnh hưởng của các tiêu chí về “Nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em” trong chuẩn nghề nghiệp đến kỹ năng nghiệp vụ của giáo viên trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 496(2), 8–13. Truy cập từ <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/46>.
- Nguyễn, T. N. (2021b). Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3–4 tuổi ở các trường mầm non trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 46(10/2021), 42–47. [http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/so\\_46-42-47.pdf](http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/so_46-42-47.pdf)
- Nguyễn, T. T. T., & Đặng, T. H. (2024). Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 5–6 tuổi ở các trường mầm non thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. *Journal of Educational Equipment: Education Management*, 1(310), 1–8. ISSN 1859-0810.
- Phan, T. H. O. (2023). Quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ ở các trường mầm non công lập huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Thiết bị giáo dục I(300)*, (149-151). Truy cập từ <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd/article/view/91375>.
- Trần, T. H. (2025). The current state of preschool management in accordance with quality accreditation requirements in Ho Chi Minh City, Vietnam. *International Journal of Social Sciences*, 8(3), 58–65.